TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 08-3-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

2. Ông Hà Danh Vượng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hạnh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 25/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Minh L (tên gọi khác: Ba L), sinh năm 1998 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Tổ 18, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Minh H (đã chết) và bà Lê Thị M; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 05 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuyên Mộc. (Bị cáo có mặt).

2. Trần Duy N, sinh năm 1996 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Duy Th và bà Nguyễn Thị M1; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại tại nơi cư trú. (Bị cáo có mặt).

Bị hại: Ông Thòng A B, sinh năm 1956 và bà Trần Lý K, sinh năm 1962.

Cùng cư trú tại: Tổ 17, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Ông B vắng mặt; bà K có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Duy Th, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966.

Cùng cư trú tại: Tổ 2, ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Ông Th và bà M1 có mặt)

Người làm chứng:

Ông Vũ Xuân L1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 07/10/2017, Trần Minh L đi ngang qua nhà ông Thòng A B và bà Trần Lý K cùng ấp, thấy đèn nhà ông B còn bật sáng, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đi vào phía sau nhà hoang bên cạnh trèo lên mái rồi chui qua khe hở giữa nhà hoang và hàng rào sắt để đột nhật vào khuân viên nhà ông B. Do gian nhà chữ L cửa không đóng nên L đi thẳng vào nhà qua cửa gian nhà này, sau đó đi thẳng tới phòng khách nơi vợ chồng ông B đang ngủ. Tại đây, L lấy trên nóc tủ lạnh 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37fw kèm theo sạc pin và 01 chìa khóa xe mô tô, sau đó tiếp tục lục tìm tài sản nhưng không lấy được gì thêm nên L xuống nhà sau dùng chìa khóa lấy được mở khóa xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 48H1-051.71 rồi dắt xe qua lối cửa sau ra đường nông thôn, nổ máy xe tẩu thoát về hướng xã Bông Trang, huyện Xuyên Mộc tìm nơi tiêu thụ thì bị Công an xã BT phối hợp Công an huyện Xuyên Mộc phát hiện, đưa về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, L đã khai toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại tài sản trộm cắp.

Trong quá trình điều tra, L còn khai nhận vào khoảng 03 giờ ngày 15/9/2017, L đã trèo qua tường rào vào khuân viên nhà ông B và dùng cây sắt kều lấy được 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37fw và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130 của vợ chồng ông B đang để trên ghế Sa lông tại phòng khách kê sát cửa sổ. Sau khi lấy được tài sản, L nói cho Trần Duy N biết L vừa trộm được 02 điện thoại và nhờ N chở đi bán, N đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, N dùng xe mô tô biển số 72V1-3878 của ông Trần Duy Th chở L tới khu vực ngã tư xã Xuyên Mộc bán điện thoại, tới nơi L đứng ngoài còn N vào cửa hàng điện thoại bán điện thoại OPPO A37fw được 1.400.000 đồng, sau đó cả hai về xã B chơi game và tiêu hết số tiền trên. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N tiếp tục chở L tới cửa hàng điện thoại Mai Linh thuộc xã B do ông L1 làm chủ để cầm chiếc điện thoại Nokia 130 cho ông L1 được 150.000 đồng. Ba ngày sau L đến chuộc lại điện thoại và giao cho bạn tên là Luật (không rõ lai lịch) sử dụng. Hai chiếc điện thoại trên Cơ quan Công an không thu giữ được.

Tại kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐG ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuyên Mộc, xác định tại thời điểm xảy ra vụ án chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 48H1-051.71 trị giá 11.237.825 đồng và chiếc điện thoại hiệu OPPO A37fw trị giá 2.867.693 đồng; tổng cộng là 14.105.518 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 27/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuyên Mộc, xác định tại thời điểm xảy ra vụ án chiếc điện thoại hiệu OPPO A37fw trị giá 2.895.000 đồng và chiếc điện thoại Nokia 130 trị giá 441.654 đồng; tổng cộng là 3.336.654 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã trả lại cho bị hại là ông B và bà K 01 điện thoại hiệu OPPO A37fw kèm theo cục xạc pin và xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 48H1-051.71.

- Đối với 01 cây sắt đường kính 06mm, dài 120cm, được uốn cong hai đầu và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 đã chuyển Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc chờ xử lý.

- Đối với xe mô tô 72V1-3878 là xe của ông Trần Duy Th. Việc L và N dùng xe của ông Th làm phương tiện phạm tội, ông Th không biết nên không thu giữ chiếc xe trên.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là ông Thòng A B và bà Trần Lý K đã nhận lại tài sản bị mất và đã được bồi thường trị giá của 02 chiếc điện thoại không thu hồi được với số tiền 3.336.000 đồng (đã làm tròn số), ông B và bà K không yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ của bị cáo N đã thay các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 3.336.000 đồng. Bà M1 không yêu cầu các bị cáo L và N phải trả lại số tiền đã bồi thường thay.

Bản cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT ngày 24/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố Trần Minh L tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Trần Duy N tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Minh L từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Duy N từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án:

- Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội.

- Đối với 01 cây sắt đường kính 06mm, dài 120cm có giá trị không lớn và bị hại không yêu cầu nhận lại, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo L: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và cộng đồng, xã hội.

Bị cáo N: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục đi làm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuyên Mộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Minh L và Trần Duy N tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Rạng sáng ngày 15/9/2017, L đột nhập vào nhà ông Thòng A B và bà Trần Lý K tại ấp A, xã B, huyện C trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37fw và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 130, tổng trị giá tài sản lần trộm này là 3.336.654 đồng. Sau khi trộm cắp được điện thoại, L gặp và nói cho Trần Duy N biết và nhờ N chở đi bán, N biết rõ điện thoại do L trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý chở L đến khu vực ngã tư xã Xuyên Mộc, huyện Xuyên Mộc để bán điện thoại. Khi tới nơi L đứng ngoài, còn N mang chiếc điện thoại hiệu OPPO A37fw vào cửa hàng điện thoại bán được số tiền 1.400.000 đồng, sau đó L và N tiêu xài chung hết số tiền này.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 07/10/2017, Trần Minh L tiếp tục đột nhập vào nhà ông Thòng A B và bà Trần Lý K trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37fw kèm theo cục sạc pin và 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 48H1-051.71, trị giá tài sản lần trộm cắp này là 14.105.518 đồng. Tổng trị giá tài sản Trần Minh L 02 lần trộm cắp là 17.442.172 đồng.

Tại bản án số 58/2016/HSST ngày 21/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xử phạt Trần Minh L 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/6/2017, tuy nhiên khi bị kết án bị cáo là người dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy, hành vi của Trần Minh L đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 và hành vi của Trần Duy N đã

cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."*

Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định *"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm"*.

[3]. Về điều luật áp dụng để xét xử bị cáo tội Trộm cắp tài sản: Căn cứ Nghị quyết số 41/2016/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Sau khi so sánh hình phạt tội "Trộm cắp tài sản" tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, có lợi cho người phạm tội nên áp dụng Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử Trần Minh L.

[4]. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo Trần Minh L tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Trần Duy N tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản và đã được đưa đi cải tạo giáo dục, nhưng không sửa chữa bản thân, tu chí làm ăn để trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục cố ý phạm tội. Vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án, bị cáo L thực hiện 02 lần trộm cắp và trị giá mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo L: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự thú, khai ra lần trộm cắp ngày 15/9/2017; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo N: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại đã làm đơn bãi nại, đồng thời tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự sự năm 1999, xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo L hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) và xác định bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị cho bị cáo N hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là ông Thòng A B và bà Trần Lý K đã nhận lại tài sản bị mất và số tiền bồi thường thiệt hại theo trị giá của 02 chiếc điện thoại không thu hồi được là 3.336.000 đồng. Ông B và bà K không có yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị M1 là mẹ của bị cáo N đã thay các bị cáo N và L bồi thường cho bị hại số tiền 3.336.000 đồng. Bà M1 không yêu cầu các bị cáo L và N phải trả lại số tiền đã bồi thường thay. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà M1 nên ghi nhận và dành quyền khởi kiện cho bà M1 đối với các bị cáo L và N bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Kiểm sát viên đề nghị không xem xét phần trách nhiệm dân sự trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuyên Mộc đã trả lại cho bị hại là ông B và bà K 01 điện thoại hiệu OPPO A37fw kèm theo cục xạc pin và xe mô tô hiệu Honda Wave RSX, biển số 48H1-051.71. Bị hại đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 cây sắt đường kính 06mm, dài 120cm, được uốn cong hai đầu là vật bị cáo L dùng để kều móc trộm điện thoại của bị hại. Xét thấy cây sắt giá trị không lớn và bị hại là ông B và bà K không yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 thu giữ của bị cáo L, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo L.

- Đối với xe mô tô 72V1-3878 là xe của ông Trần Duy Th. Việc L và N dùng xe của ông Th làm phương tiện phạm tội, ông Th không biết nên việc không thu giữ chiếc xe trên là đúng quy định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8]. Đối với ông L1, cầm cố điện thoại Nokia 130 do L trộm cắp, nhưng ông L1 không biết điện thoại trên do L trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự là đúng quy định.

[9]. Đối với Luật là người được L giao chiếc điện thoại Nokia 130 để sử dụng, nhưng hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Luật, nên tách riêng để tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau bằng vụ án khác là phù hợp.

[10]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Minh L phạm tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Trần Duy N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 33; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Minh L: 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Duy N: 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) cây sắt đường kính 06mm, dài 120cm, được uốn cong hai đầu;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Minh L 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 19/BB ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa Công an huyện Xuyên Mộc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Minh L và Trần Duy N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**